

Số: 29 /2014/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 15 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về xét, công nhận
và quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ về sáng kiến; Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số Quy định của Điều lệ Sáng kiến;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 408/TTr-SKHCN ngày 22/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về xét, công nhận và quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 30/3/2009 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

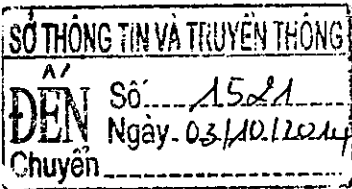
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Báo Lai Châu, Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Lãnh đạo, CV các khối, TT tin học;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Chủ



QUY ĐỊNH

**Về xét, công nhận và quản lý hoạt động
sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29 /2014/QĐ-UBND,
ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lai Châu)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định nội dung, điều kiện, thẩm quyền và trình tự thủ tục xét, công nhận sáng kiến các cấp, quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến, trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động sáng kiến.

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp) mang lại lợi ích thiết thực cho cơ quan, đơn vị áp dụng.

2. Tác giả sáng kiến là người tạo ra sáng kiến bằng chính sức lao động, trí tuệ của mình.

3. Đồng tác giả sáng kiến là những người cùng góp công sức, trí tuệ tạo ra sáng kiến chung.

4. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là cơ quan đơn vị, doanh nghiệp nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến.

col

5. Sáng kiến cấp cơ sở là giải pháp áp dụng tại cơ sở được lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận.

6. Sáng kiến cấp tỉnh là giải pháp có khả năng áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh được chủ tịch UBND tỉnh công nhận.

Điều 3. Các giải pháp được xác định là sáng kiến

1. Giải pháp kỹ thuật bao gồm:

1.1. Sản phẩm dưới dạng vật thể (ví dụ: máy móc, thiết bị, công cụ, sản phẩm kết cấu công trình, linh kiện, dụng cụ ...);

1.2. Sản phẩm dưới dạng chất (ví dụ: vật liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, chất liệu ...);

1.3. Sản phẩm dưới dạng vật liệu sinh học (ví dụ: chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen);

1.4. Giống cây trồng, giống vật nuôi;

1.5. Quy trình (quy trình công nghệ; phương pháp khảo sát, thiết kế, thi công; kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình khám bệnh, kỹ thuật trong điều trị bệnh, xét nghiệm cận lâm sàng, phòng bệnh cho người, động vật và thực vật; phương pháp phân tích mẫu...).

2. Giải pháp quản lý: là cách thức tác động của chủ thể quản lý lên các đối tượng quản lý nhằm đạt được những mục đích nhất định trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, bao gồm:

2.1. Đổi mới hoạt động quản lý giáo dục: Phương pháp kiểm tra, đánh giá; phương pháp nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện xã hội hóa giáo dục; công tác chủ nhiệm; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, học tập...

2.2. Công tác tham mưu, xây dựng cơ chế, chính sách, quy trình, văn bản quy phạm pháp luật, nhằm cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng; pháp luật, quy định của Nhà nước và cơ quan cấp trên phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, ngành, địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt ban hành và triển khai thực hiện.

2.3. Phương pháp tổ chức công việc (ví dụ: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu).

2.4. Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc.

3. Giải pháp tác nghiệp là phương pháp thực hiện thao tác nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh (sản xuất, thương mại, dịch vụ), trong công tác quản lý hành chính, sự nghiệp, trong đó có:

3.1. Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu);

3.2. Phương pháp thẩm định, giám định;

3.3. Phương pháp tuyên truyền, đào tạo (giảng dạy, huấn luyện);

3.4. Phương pháp huấn luyện động vật.

4. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, bí quyết hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Điều 4. Các điều kiện công nhận sáng kiến

1. Có tính mới trong phạm vi một cơ quan, tổ chức nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn) đáp ứng các điều kiện sau đây:

1.1. Không trùng với nội dung của giải pháp trong đơn đăng ký sáng kiến nộp trước;

1.2. Chưa bị bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được;

1.3. Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến;

1.4. Chưa được cơ quan, đơn vị áp dụng hoặc có kế hoạch áp dụng trong sản xuất, công tác;

1.5. Chưa được cơ quan, đơn vị hoặc cơ quan quản lý cấp trên quy định thành những biện pháp thực hiện bắt buộc như tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm...

2. Sáng kiến có khả năng mang lại lợi ích thiết thực là việc áp dụng sáng kiến đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (ví dụ nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội, đời sống tinh thần (ví dụ nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khoẻ con người, giáo dục, văn hoá, nghệ thuật, thể thao...), hoặc đem lại hiệu quả công tác quản lý của đơn vị, thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ đề ra.

3. Các đối tượng sau đây không được công nhận là sáng kiến:

3.1. Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội;

3.2. Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

3.3. Hiệu quả giải pháp không ổn định, không có tính khả thi áp dụng trong ngành hoặc cộng đồng.

Chương II

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 5. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở

1.1. Chủ tịch UBND cấp huyện; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; người đứng đầu các tổ chức sản xuất kinh doanh ra quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở, với số lượng tối đa 9 thành viên.

1.2. Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở:

- Đối với cấp huyện là bộ phận làm công tác quản lý khoa học và công nghệ.

- Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức kinh doanh là bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng hoặc bộ phận thường trực nghiên cứu khoa học.

1.3. Cơ cấu thành phần Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Là lãnh đạo UBND cấp huyện; lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; người đứng đầu các đơn vị, doanh nghiệp nhà nước.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Là lãnh đạo bộ phận thường trực của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.

- Các uỷ viên gồm: Đại diện cấp uỷ Đảng, đoàn thể, đại diện các bộ phận chuyên môn, đại diện đơn vị trực thuộc.

- Thư ký Hội đồng là cán bộ thuộc bộ phận thường trực của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.

Trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ quan quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở có thể quyết định mời một số chuyên gia giỏi về lĩnh vực có sáng kiến được xét công nhận tham gia làm thành viên Hội đồng (do thư ký Hội đồng hoặc cơ quan thường trực của Hội đồng sáng kiến cơ sở báo cáo, đề xuất).

1.4. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở có nhiệm vụ xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở để tham mưu giúp Chủ tịch UBND cấp huyện; lãnh đạo các sở, ban, ngành,

đoàn thể tỉnh; người đứng đầu đơn vị, doanh nghiệp nhà nước quyết định công nhận.

2. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

2.1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh, với số lượng tối đa là 13 thành viên.

2.2. Cơ quan thường trực của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ.

2.3. Cơ cấu, thành phần:

- Chủ tịch Hội đồng: Là Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh phụ trách khối văn hóa - xã hội.

- Phó Chủ tịch thường trực: Là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

- Các ủy viên: Đại diện Lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

- Ủy viên thư ký: 01 đồng chí phụ trách theo dõi về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

2.4. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh có nhiệm vụ xét, duyệt sáng kiến cấp tỉnh, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định công nhận.

Điều 6. Chế độ làm việc của Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở họp định kỳ 1 - 2 lần/năm. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh họp định kỳ 2 lần/năm.

2. Hội đồng sáng kiến làm việc theo chế độ tập thể. Hội đồng họp phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt (trường hợp vắng mặt phải có ý kiến, phiếu đánh giá sáng kiến bằng văn bản) mới được coi là họp lệ.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự tiến hành xét duyệt sáng kiến

1. Hồ sơ và thời gian tiếp nhận hồ sơ sáng kiến

1.1. Hồ sơ sáng kiến cấp cơ sở

- Đơn đề nghị công nhận sáng kiến (theo mẫu quy định tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quy định này);

- Thuyết minh sáng kiến (theo mẫu quy định tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quy định này);

- Văn bản xác nhận sáng kiến đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực (Đối với các đối tượng thuộc Điều 3 trừ điểm 2.2).

- Các tài liệu liên quan khác: Trích dẫn tài liệu tham khảo; tư liệu minh họa...(nếu có).

Riêng đối với văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành và triển khai thực hiện; hồ sơ sáng kiến gồm có: Đơn đề nghị công nhận sáng kiến; Văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan về việc tham gia soạn thảo hoặc thẩm định văn bản và bản sao văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành.

1.2. Hồ sơ sáng kiến cấp tỉnh:

- Các văn bản được quy định tại Điểm 1.1, Khoản 1 của Điều này.
- Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở.
- Văn bản đề nghị xét, công nhận sáng kiến cấp tỉnh.

1.3. Thời gian tiếp nhận hồ sơ

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ sáng kiến ở cấp cơ sở: Do Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở quy định.

- Hồ sơ sáng kiến cấp tỉnh gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Khoa học và Công nghệ thành 02 đợt:

+ Đợt 1: Trước ngày 30/6 hàng năm đối với ngành giáo dục và đào tạo (Bao gồm: cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành).

+ Đợt 2: Trước ngày 30/11 hàng năm, thực hiện đối với các cơ quan, đơn vị còn lại.

2. Cơ sở tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ đơn và các tài liệu kèm theo (nếu có); giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

3. Trình tự xét duyệt

3.1. Thường trực Hội đồng sáng kiến tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, tổng hợp những sáng kiến đủ điều kiện tiêu chí trình Hội đồng sáng kiến họp xét. Đồng thời, gửi báo cáo tóm tắt nội dung, bản chất, hiệu quả của các sáng kiến cho

thành viên Hội đồng sáng kiến và các chuyên gia (nếu có) nghiên cứu trước ít nhất 05 ngày, trước khi tổ chức họp Hội đồng.

3.2. Hội đồng sáng kiến tổ chức họp để xem xét, đánh giá, đề nghị công nhận các sáng kiến do cơ quan Thường trực của Hội đồng sáng kiến trình tại phiên họp.

3.3. Nội dung tại phiên họp Hội đồng sáng kiến: Thư ký Hội đồng sáng kiến có trách nhiệm trình bày trước Hội đồng về báo cáo tóm tắt nội dung, bản chất, hiệu quả của sáng kiến và các tài liệu, bằng chứng (có liên quan) về kết quả, lợi ích của sáng kiến mang lại (nếu có).

3.4. Các thành viên Hội đồng tham gia ý kiến nhận xét, đánh giá; Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được uỷ quyền chủ trì cuộc họp) kết luận đánh giá, nhận xét chung.

3.5. Hội đồng sáng kiến tiến hành bỏ phiếu nhận xét, đánh giá (mẫu 03/PDG-SK).

- Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và thông qua biên bản kiểm phiếu (Tổ kiểm phiếu do Hội đồng sáng kiến bầu trong đó có thư ký Hội đồng sáng kiến).

- Sáng kiến được đề xuất công nhận nếu sáng kiến đó có tổng số điểm trung bình của các thành viên hội đồng đạt từ 70/100 điểm trở lên; hoặc có ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Đạt”.

3.6. Đối với văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền phê duyệt ban hành và triển khai thực hiện: Nếu có đầy đủ hồ sơ theo quy định, được Hội đồng sáng kiến đề xuất công nhận tương đương sáng kiến cấp cơ sở.

3.7. Thư ký thông qua biên bản cuộc họp (mẫu 04/BB-SK).

Điều 8. Thẩm quyền công nhận sáng kiến

1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở là lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; người đứng đầu đơn vị, doanh nghiệp nhà nước.

2. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh là Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Hồ sơ xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến bao gồm các tài liệu sau đây:

3.1. Văn bản đề nghị chấp thuận việc công nhận sáng kiến;

3.2. Biên bản họp đánh giá sáng kiến của Hội đồng sáng kiến.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ yêu cầu xét chấp thuận sáng kiến, cơ quan xét chấp thuận sáng kiến có trách nhiệm xem xét và đánh giá việc công nhận sáng kiến theo các quy định của pháp luật để quyết định về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc công nhận sáng kiến, trường hợp không chấp thuận cần nêu rõ lý do.

Điều 9. Thông báo kết quả xét duyệt sáng kiến

Sau khi có kết quả công nhận sáng kiến, Thường trực của Hội đồng sáng kiến có trách nhiệm thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

Chương III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA
TÁC GIẢ SÁNG KIẾN VÀ CHỦ ĐẦU TƯ SÁNG KIẾN

Điều 10. Quyền của tác giả sáng kiến

1. Tác giả sáng kiến có thể yêu cầu công nhận sáng kiến tại các cơ sở sau đây:

1.1. Tại cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến;

1.2. Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả sáng kiến;

1.3. Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 1 Điều này là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu.

3. Nhận tiền thù lao, tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

4. Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 11. Nghĩa vụ của tác giả sáng kiến

1. Chuẩn bị hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến nộp cho cơ quan, đơn vị nơi tác giả sáng kiến làm việc hoặc cho cơ quan đơn vị nơi mà tác giả cho rằng có khả năng áp dụng sáng kiến của mình. Hồ sơ gồm 01 bộ hồ sơ bản giấy và 01 bản điện tử đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh, gửi về cơ quan thường trực Hội đồng Sáng kiến.

2. Cung cấp đầy đủ thông tin về sáng kiến cho cơ quan quản lý hoạt động sáng kiến.

3. Tham gia triển khai áp dụng sáng kiến.

4. Giữ bí mật thông tin theo thỏa thuận với chủ sáng kiến và theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến

1. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có các quyền sau đây:

1.1. Đăng ký sáng kiến theo quy định;

1.2. Áp dụng sáng kiến;

1.3. Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định của pháp luật.

2. Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến không được xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

3. Đối với sáng kiến là đối tượng chuyển giao công nghệ (giải pháp kỹ thuật, giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật...), việc chuyển giao sáng kiến cho cơ quan, tổ chức khác áp dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

Điều 13. Xác định tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến

1. Tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến là tổng số tiền tiết kiệm từ tất cả các khoản lợi trực tiếp có được từ việc áp dụng sáng kiến, sau khi đã trừ các chi phí phát sinh do việc áp dụng sáng kiến. (Tiền làm lợi trực tiếp được xác định trên cơ sở so sánh thực trạng kinh tế, kỹ thuật trước và sau khi áp dụng sáng kiến).

2. Tiền làm lợi gián tiếp từ việc áp dụng sáng kiến không được tính khi xác định tiền làm lợi.

Điều 14. Mức trả thù lao, trả thưởng cho tác giả sáng kiến

1. Nguyên tắc nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến

1.1. Đối với các đơn vị tự chủ về tài chính, tiền thưởng cho tác giả sáng kiến được trích từ nguồn lợi do áp dụng sáng kiến trong năm đầu tiên mang lại hoặc trích từ quỹ khen thưởng của đơn vị.

1.2. Đối với sáng kiến mà chủ sáng kiến là cơ quan quản lý, hành chính, sự nghiệp của nhà nước, có nghĩa vụ trả tiền thưởng cho tác giả sáng kiến từ nguồn ngân sách nhà nước được giao hàng năm.

2. Trường hợp chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là tổ chức kinh tế hoặc là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập, nếu giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu

tư tạo ra sáng kiến không có thỏa thuận thì việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến được thực hiện theo quy định sau đây:

2.1. Thù lao trả hàng năm trong 3 năm đầu tiên áp dụng sáng kiến, trả trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày kết thúc mỗi năm áp dụng, với mức tối thiểu 7% tiền làm lợi thu được do áp dụng sáng kiến của mỗi năm, trường hợp không tính được tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến thì trả với mức tối thiểu 5 lần mức lương tối thiểu chung theo quy định của Nhà nước tại thời điểm trả thù lao;

2.2. Thù lao trả trong 3 năm kể từ ngày sáng kiến được công nhận, cho mỗi lần chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng, trả trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận thanh toán của mỗi lần chuyển giao, với mức tối thiểu 15% giá chuyển giao.

3. Trường hợp chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không phải là tổ chức kinh tế và không phải là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập, nếu giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không có thỏa thuận thì việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến được thực hiện như trường hợp không tính được tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp sáng kiến đang được bảo hộ sở hữu trí tuệ (dưới danh nghĩa sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn hoặc kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng, quyền tác giả) nghĩa vụ trả tiền thù lao cho tác giả sáng kiến được thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Chương IV

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 15. Quy định quản lý nhà nước về sáng kiến

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh:

1.1. Tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về Sáng kiến trình UBND tỉnh ban hành.

1.2. Tổ chức các hoạt động sáng kiến của tỉnh, kể cả việc thành lập hội đồng và ra quyết định công nhận sáng kiến cấp tỉnh.

1.3. Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sáng kiến.

1.4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 14 và khoản 1, khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, ngày 02/3/2012 của Chính phủ Ban hành Điều lệ Sáng kiến.

1.5. Chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các Sở, Ban, ngành của tỉnh tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, ngày 02/3/2012 của Chính phủ Ban hành Điều lệ Sáng kiến.

1.6. Xem xét, quyết định chấp thuận đối với việc công nhận sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật mà tác giả là người đứng đầu cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, ngày 02/3/2012 của Chính phủ Ban hành Điều lệ Sáng kiến.

1.7. Hướng dẫn tác giả tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các giải pháp có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

1.8. Tư vấn, hỗ trợ cung cấp thông tin cho các tác giả sáng kiến trong việc tạo ra, hoàn thiện sáng kiến và khai thác sáng kiến, hướng dẫn việc làm đơn yêu cầu công nhận sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến.

1.9. Báo cáo định kỳ hàng năm cho Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Cục Sở hữu trí tuệ) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến của tỉnh.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, cơ quan, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, người đứng đầu các tổ chức sản xuất kinh doanh trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình tuân thủ Quy định này, đồng thời tiến hành xây dựng các quy định liên quan phù hợp với thực tế hoạt động của đơn vị mình và đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Công tác thông tin nhân rộng sáng kiến

Đối với các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp ứng dụng: Căn cứ hiệu quả và khả năng áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, người có sáng kiến và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến sáng kiến để tuyên truyền và nhân rộng.

Đối với các sáng kiến có liên quan đến sở hữu trí tuệ, bản quyền: Người có sáng kiến có trách nhiệm đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ để được công nhận theo quy định. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp, giúp đỡ cá nhân triển khai áp dụng sáng kiến trong đơn vị. Đồng thời tạo điều kiện cho các đơn vị khác được tiếp cận, học tập và áp dụng sáng kiến trên cơ sở thoả thuận thực hiện chuyển giao khoa học, công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Nguồn kinh phí và quản lý sử dụng nguồn kinh phí cho hoạt động sáng kiến

1. Quản lý sử dụng nguồn kinh phí cho các hoạt động sáng kiến

1.1. Chế độ thù lao cho Hội đồng sáng kiến: Áp dụng mức chi của chế độ Hợp Hội đồng nghiệm thu chính thức tại Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN, ngày 07/5/2007 Liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ và quy định hiện hành.

1.2. Kinh phí triển khai thực hiện các hoạt động khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo, được trích từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ khác. Các cơ quan có trách nhiệm lập kế hoạch và dự trù kinh phí hàng

năm cho hoạt động sáng kiến.

1.3. Chi phí cho việc tạo ra và áp dụng sáng kiến được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Nguồn kinh phí cho các hoạt động sáng kiến

2.1. Cơ quan, tổ chức của Nhà nước tự chủ về tài chính, các đơn vị sự nghiệp có thu được sử dụng nguồn thu của mình để chi cho hoạt động sáng kiến.

2.2. Cơ quan, tổ chức hoạt động bằng tiền ngân sách nhà nước được sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch hàng năm để chi cho hoạt động sáng kiến.

Chương V

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Khen thưởng

Tuỳ theo điều kiện thực tế, Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có thể quyết định chi thưởng cho cá nhân có sáng kiến được cấp có thẩm quyền công nhận từ nguồn tiết kiệm chi (đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước) hoặc từ quỹ khuyến khích phát triển sản xuất đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Điều 19. Xử lý vi phạm

Các cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến sáng kiến và công nhận sáng kiến thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

2. Lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện người đứng đầu các tổ chức sản xuất kinh doanh căn cứ quy định này cụ thể hoá cho phù hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh thông qua cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xem xét, sửa đổi hoặc bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Chử

Mẫu 01/ĐN-SK

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2014/QĐ-UBND,
ngày /9/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN CẤP

Kính gửi: Thường trực Hội đồng sáng kiến

Tôi (chúng tôi) ghi tên dưới đây:

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến	Ghi chú
1							Tối đa không quá 03 đồng tác giả
2							
..							

Là tác giả (nhóm tác giả) đề nghị xét công nhận sáng kiến:

- Cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến:
- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:.....
- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử:.....
- Mô tả bản chất của sáng kiến:
- Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:
- Những thông tin cần được bảo mật (nếu có):.....
- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:.....
- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã áp dụng sáng kiến và theo ý kiến của tác giả sáng kiến:
- Những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có): là người tham gia áp dụng giải pháp mới cùng với tác giả, không phải là đồng tác giả.

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc áp dụng
1						
2						
..						

... Tôi (chúng tôi) xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người đăng ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

Produced with ScanTOPDF

Mẫu 02-TM/SK

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2014/QĐ-UBND,
ngày /9/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)

(TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN)
(TÊN CƠ QUAN ÁP DỤNG SÁNG KIẾN)

THUYẾT MINH SÁNG KIẾN

(Tên sáng kiến)

Tác giả/đồng tác giả:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Chức vụ:.....

Nơi công tác:.....

Địa danh, Ngày.....tháng.....năm

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên sáng kiến:

2. Tác giả/Đồng tác giả (*Tối đa không quá 03 người*):

Họ và tên:

Năm sinh:

Nơi thường trú:

Trình độ chuyên môn:

Chức vụ công tác:

Nơi làm việc:

Điện thoại:

Tỷ lệ đóng góp tạo ra sáng kiến:%

3. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:

4. Thời gian áp dụng sáng kiến: Từ ngày...tháng... năm... đến ngày.... tháng.... năm.....

5. Đơn vị áp dụng sáng kiến:

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

II. NỘI DUNG SÁNG KIẾN

1. Sự cần thiết, mục đích của việc thực hiện sáng kiến:

2. Phạm vi triển khai thực hiện:

3. Mô tả sáng kiến:

a. Mô tả giải pháp trước khi tạo ra sáng kiến (*Nêu hiện trạng trước khi áp dụng giải pháp mới; phân tích ưu nhược điểm của giải pháp cũ để cho thấy sự cần thiết của việc đề xuất giải pháp mới nhằm khắc phục nhược điểm của giải pháp cũ*):

b. Mô tả giải pháp sau khi có sáng kiến (*Chỉ ra tính mới, sự khác biệt của giải pháp mới so với giải pháp cũ; nêu cách thức thực hiện, các bước thực hiện của giải pháp mới một cách cụ thể, rõ ràng cũng như các điều kiện cần thiết để áp dụng giải pháp*):

4. Hiệu quả do sáng kiến đem lại:

a. Hiệu quả kinh tế:

b. Hiệu quả về mặt xã hội:

- Giá trị đối với môi trường:

- Giá trị đối với lĩnh vực an toàn lao động:

- Giá trị khác:

5. Đánh giá về phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến (*Nêu rõ khả năng áp dụng vào thực tế của giải pháp mới, có thể áp dụng cho những đối tượng, cơ quan, tổ chức nào*):

6. Các thông tin cần được bảo mật (*nếu có yêu cầu bảo mật, VD: Quy trình,*

bản vẽ thiết kế):

.....
.....
7. Kiến nghị, đề xuất:

a) Về danh sách cá nhân được công nhận đồng tác giả sáng kiến:

b) Kiến nghị khác:.....

8. Tài liệu kèm: *bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp mẫu sản phẩm... (nếu có).*

Trên đây là nội dung, hiệu quả của tác giả/nhóm tác giả do chính chúng tôi thực hiện không sao chép hoặc vi phạm bản quyền./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐƠN VỊ

ÁP DỤNG SÁNG KIẾN

(Ký tên, đóng dấu)

TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

(Ký tên)

.....
.....

Produced with ScanTOPDF

Mẫu 03/PĐG-SK

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2014/QĐ-UBND,
ngày /9/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)

ĐƠN VỊ.....
HỘI ĐỒNG XÉT, CÔNG NHẬN
SÁNG KIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU
ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM SÁNG KIẾN CẤP ...

I. CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ:

- Họ tên thành viên Hội đồng:.....
- Đơn vị công tác:.....
- Chức danh khoa học, học hàm, học vị:.....

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ CHẤM ĐIỂM

TT	Tên sáng kiến	Tên tác giả, đơn vị công tác	Tiêu chí chấm điểm			Tổng điểm	Đề nghị cấp trên công nhận
			Tính mới	Tính hiệu quả	Phạm vi ảnh hưởng		
1							
	Nhận xét, đánh giá:						
2							
	Nhận xét, đánh giá:						
3							
	Nhận xét, đánh giá:						
....							

III. TIÊU CHUẨN VÀ THANG ĐIỂM CỦA SÁNG KIẾN:

- Tính mới (Tối đa là 30 điểm): Lựa chọn một trong hai tiêu chí sau:
 - Nếu sáng kiến chưa được công bố ở Việt Nam dưới hình thức sử dụng hoặc mô tả trong các nguồn thông tin kỹ thuật đã được phổ biến: 30 điểm.
 - Nếu sáng kiến tương tự như sáng kiến đã được mô tả trong các nguồn thông tin đã có ở Việt Nam, nhưng lần đầu tiên được áp dụng và có cải tiến so với giải pháp đã có: 25 điểm.

2. Hiệu quả kinh tế - xã hội (Tối đa là 50 điểm):

- Hiệu quả kinh tế (20 điểm) lựa chọn một trong hai tiêu chí sau:

- So sánh các chỉ tiêu tiết kiệm đạt được trên cơ sở kết quả thử nghiệm, áp dụng thử của các sáng kiến với sáng kiến đã biết (đã có): **20 điểm**.

- Hoặc phân tích, đánh giá những lợi thế có thể đạt được khi áp dụng sáng kiến vào thực tiễn đời sống, sản xuất: **15 điểm**.

2.2. Hiệu quả kỹ thuật (15 điểm):

Được thể hiện bằng những chỉ tiêu kỹ thuật mới, tiến bộ hơn của sáng kiến so với sáng kiến đã biết:

2.3. Hiệu quả xã hội (15 điểm):

Được thể hiện dưới dạng cải thiện điều kiện sống, bảo vệ sức khỏe, điều kiện làm việc, nâng cao an toàn lao động, cải tạo môi trường, tạo môi trường vui chơi, giải trí lành mạnh giúp con người phát triển thể chất và trí tuệ, nâng cao chất lượng hiệu quả công việc...

3. Khả năng áp dụng rộng rãi vào đời sống (Tối đa là 20 điểm): Lựa chọn một trong ba tiêu chí sau:

- Nếu sáng kiến đã được áp dụng trong thực tế với quy mô toàn quốc, có khả năng áp dụng rộng rãi: **20 điểm**.

- Nếu sáng kiến đã được áp dụng trong thực tế với quy mô tỉnh, thành phố, huyện, đơn vị, có khả năng áp dụng rộng rãi: **15 điểm**.

- Nếu sáng kiến đã được sản xuất thử nghiệm, có khả năng áp dụng trong thực tế: **10 điểm**.

Ghi chú:

- Tổng số điểm tối đa của mỗi sáng kiến là 100 điểm.

- Điểm của sáng kiến từ 70 điểm trở lên sẽ được đề xuất công nhận.

Lai Châu, ngày tháng năm 20...

Ủy viên Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 04/BB-SK

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2014/QĐ-UBND,
ngày /9/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)

ĐƠN VỊ.....
HỘI ĐỒNG XÉT, CÔNG NHẬN
SÁNG KIẾN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-HĐSK

Lai Châu, ngày.....tháng.....năm 20....

BIÊN BẢN

Họp Hội đồng sáng kiến cấp.....

Ngày.....thángnăm 20....., Hội đồng sáng kiến..... đã tiến hành tổ chức họp xét, đánh giá các sáng kiến được đề nghị công nhận. Cuộc họp do đồng chí.....- Chủ tịch Hội đồng chủ trì, thành phần dự họp có mặt...../..... thành viên Hội đồng.....(.....thành viên vắng mặt có lý do).

Sau khi Thư ký Hội đồng trình bày trước cuộc họp về danh sách các sáng kiến đề nghị công nhận; báo cáo tóm tắt nội dung, hiệu quả của từng sáng kiến; các thành viên Hội đồng đã thảo luận, trình bày ý kiến và chấm điểm theo phiếu đánh giá. Kết quả cụ thể như sau:

TT	Tên sáng kiến đề nghị công nhận	Họ tên cá nhân có sáng kiến, đơn vị công tác	Kết quả	Ý kiến Hội đồng

- Số sáng kiến được Hội đồng công nhận là sáng kiến cấp.....là:

Biên bản đã được thông qua tại cuộc họp hồi giờ cùng ngày, các thành viên tham gia dự họp nhất trí ký tên./.

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 05/QĐ-SK

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2014/QĐ-UBND,
ngày /9/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)

(TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN).....
**CƠ QUAN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG XÉT,
CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

Lai Châu, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận sáng kiến cấp.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG XÉT,
CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

Căn cứ luật tổ chức HĐND-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số ngày .../.../..... của..... về việc Quy định chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Căn cứ Quyết định số ngày.../.../..... của..... về việc Ban hành quy định về
quy trình xét, công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng sáng kiến cấp năm 201..., ngày

Xét đề nghị của tại Tờ trình số: ngày

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân có sáng kiến cấp năm

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao thông báo tới các tập thể, cá nhân có sáng kiến
cấp năm được công nhận biết, để tiếp tục triển khai ứng dụng và nhân rộng
trong đời sống cũng như hoạt động của

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.; Thủ
trưởng các cơ quan đơn vị và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi
hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;

-

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)